

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 42/2020/HSST

Ngày: 08/6/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
D - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Sơn và bà Phạm Hồng Thiêm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký TAND huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại hội trường Ủy ban nhân dân xã Thụy Sơn, huyện T1, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLST – HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST ngày 27 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Văn Đ**, (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; sinh ngày xxxx;

Nơi cư trú: thôn Đ1, xã Đ2, huyện TH, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Vũ Thị R, sinh năm 1970, trú tại thôn Đ1, xã Đ2, huyện TH, tỉnh Thái Bình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2020 đến ngày 19/3/2020 bị tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Bị cáo được dẫn giải có mặt.

2. Họ tên: **Lương Văn T**, (tên gọi khác: không);

Giới tính: Nam; sinh ngày xxxxxx;

Nơi cư trú: thôn Đ1, xã Đ2, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Lương Văn K, sinh năm 1959 và bà Lý Thị Đ4, sinh năm 1960, đều trú tại thôn Đ1, xã Đ2, huyện TH, tỉnh Thái Bình; Vợ con: Chưa có.

Tiền sự: 01 (Ngày 20/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện TH ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, đến ngày 27/3/2018 chấp hành xong biện pháp cai nghiện).

Tiền án: 01 (Năm 2018 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện TH xử phạt 10 tháng tù theo Bản án số 12/2019/HSST ngày 27/3/2019, đến ngày 01/10/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Từ tháng 9/2009 đến ngày 15/01/2011 thực hiện nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại tiểu đoàn 162, Trung đoàn 242, Quân khu 3.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2020 đến ngày 19/3/2020 bị tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Bị cáo được dẫn giải có mặt.

** Bị hại:*

Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959

Trú tại: thôn D, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lương Văn K, sinh năm 1959

Bà Lý Thị Đ4, sinh năm 1960

Đều trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

** Người làm chứng:*

- Anh Đinh Văn H, sinh năm 1983

- Anh Trịnh Ngọc K1, sinh năm 1993,

Đều trú tại: Thôn G, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên Tòa vắng mặt bà L, ông K, bà Đông, anh H và anh K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 15/3/2020, Lương Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, gắn biển kiểm soát 17F2-9468 chở Nguyễn Văn Đ đi từ huyện TH sang khu vực nhà máy nhiệt điện thuộc huyện T1 xem có tài sản gì sơ hở thì lấy nhưng hai người đi lòng vòng cũng không lấy được gì nên quay về. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đường Quốc lộ 37B qua khu công nghiệp Đồng Kiều thuộc thôn Thiên Kiều, xã T3, huyện T1 thì Đ nhìn thấy bên phải có

con đường bê tông, sâu bên trong khoảng 200m có chiếc xe máy điện màu đỏ đen, nhãn hiệu HT-BIKE của bà Đỗ Thị L để ở bên đường không có người trông coi. Đ bảo T lấy trộm xe, T đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đi đến cách xe máy điện khoảng 10m thì dừng lại đứng quan sát, hai người nhìn thấy bà L đang làm ruộng lúa cách chỗ xe máy điện khoảng 50m, lợi dụng lúc bà L không để ý, Đ xuống xe đi bộ đến, thấy xe không khóa cổ nhưng khóa ổ điện nên Đ gạt chân chống xe máy điện rồi dong xe quay lại chỗ T đứng sau đó ngồi lên xe máy điện để cho T điều khiển xe mô tô và dùng chân đẩy xe cho Đ. Đúng lúc này, bà L đang làm ruộng nhìn lên đường thấy có người lấy trộm xe máy điện của mình liền tri hô và chạy bộ đuổi theo. Khi lấy được xe thì Đ và T đi ra đường Quốc lộ 37B rẽ phải về hướng cầu Trà Lý, đi được khoảng 100m thì phát hiện phía sau có người tri hô và đuổi theo nên T không đẩy xe máy điện nữa mà phóng xe mô tô chạy thoát còn Đ vớt lại xe máy điện trên đường rồi chạy bộ ngược lại ra phía ngoài cánh đồng thì bị lực lượng Công an xã T3 và quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ vào hồi 15 giờ 45 phút cùng ngày, đến ngày 16/3/2020 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 bắt theo lệnh bắt khẩn cấp.

Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T1, kết luận: Chiếc xe máy điện màu đỏ đen, nhãn hiệu HT-BIKE có giá trị 6.150.000 đồng (Sáu triệu một trăm lăm mươi nghìn đồng) tại thời điểm bị xâm hại ngày 15/3/2020

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn T và Nguyễn Văn Đ không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên và thừa nhận T bộ hành vi của các bị cáo.

Bản cáo trạng số 49/CT- VKSTT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 truy tố các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo Lương Văn T xử phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động. Đối với 1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, gắn biển kiểm soát 17F2-9468, đăng ký xe mang tên Trần Văn Phôn. Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe đó là của ông Lương Văn K (bố bị cáo T), xe có số khung LWGXCHL06X1101127, số máy VMVX1C-D015441 đều không bị tẩy xóa, tuy nhiên không phù hợp với giấy tờ đăng ký xe do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã tách ra khỏi vụ án để xử lý sau nên không đặt ra giải quyết.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo Lương Văn T và Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo đều nhận ra hành vi phạm tội của bản thân là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên Tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc họ vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Tại phiên Tòa các bị cáo Lương Văn T và Nguyễn Văn Đ khai nhận: Lợi dụng bị hại sơ hở trong quản lý tài sản, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện trộm cắp 01 chiếc xe máy điện màu đỏ đen, nhãn hiệu HT-BIKE của bà Đỗ Thị L được

định giá 6.150.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn đề nghị và lời khai của những bị hại, lời khai của người làm chứng; bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ căn cứ để xác định hành vi của các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn và người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm h, s Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ do có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Cả hai bị cáo đều còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động mà ham chơi bời, muốn hưởng thụ trên sức lao động của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đồng thời cũng là bài học giúp các bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện việc trộm cắp tài sản, không bàn bạc phân công cụ thể. Bị cáo Đ là người khởi xướng việc trộm cắp, bị cáo T tham gia tích cực. Bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo T có 1 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản vừa mới chấp hành xong hình phạt tù về địa phương được hơn 05 tháng lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nên cần phải xử bị cáo T một mức án nghiêm khắc hơn bị cáo Đ.

[7]. Các bị cáo đều không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[8].Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động do không dùng vào việc phạm tội. Đối với 1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, gắn biển kiểm soát 17F2-9468, đăng ký xe mang tên Trần Văn Phôn. Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc xe đó là của ông Lương Văn K (bố bị cáo T). Chiếc xe mô tô có số khung LWGXCHL06X1101127, số máy VMVX1C-D015441 đều không bị tẩy xóa, tuy nhiên không phù hợp với giấy tờ đăng ký xe do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã tách ra khỏi vụ án để xử lý sau nên không đặt ra giải quyết. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu hồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Lương Văn K và bà Lý Thị Đ4 (bố, mẹ của bị cáo T) nên không đặt ra giải quyết.

[9]. Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[10].Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại Nguyễn Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, loại hình bàn phím, vỏ màu đen trắng, bên trong lắp sim số 0976329085 (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện T1 ngày 26/5/2020)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo

Lương Văn T, Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L, ông T, bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương